

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/2011/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011***THÔNG TƯ****Về việc hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên.

Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn chính sách hỗ trợ về kinh phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi tắt là bảo hiểm), đào tạo, định mức lao động, tiền thuê đất đối với các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động được quy định tại Điều 2 Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng tại Thông tư này bao gồm các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên do Nhà nước làm chủ sở hữu sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ; các doanh nghiệp ngoài Nhà nước (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng Nhà nước hỗ trợ đất sản xuất cư trú hợp pháp trên địa bàn các tỉnh Tây nguyên (sau đây gọi chung là đơn vị sử dụng lao động).

Điều 3. Nguyên tắc của chính sách hỗ trợ

1. Về đào tạo:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng) với mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế) để chi cho việc đào tạo nghề, hỗ trợ tiền ăn, ở đi lại đối với lao động phổ thông là người dân tộc thiểu số, đủ điều kiện tuyển dụng vào làm việc theo yêu cầu phải đào tạo trong kế hoạch tuyển dụng, đào tạo của đơn vị sử dụng lao động.

2. Về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ nộp thay đơn vị sử dụng lao động tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho lao động là người dân tộc thiểu số được tuyển dụng mới hoặc ký hợp đồng lao động. Thời gian hỗ trợ nộp thay là 5 năm kể từ ngày người lao động vào làm việc tại đơn vị.

3. Về áp dụng định mức lao động:

Đơn vị sử dụng lao động được áp dụng định mức lao động bằng 80% định mức lao động chung do cơ quan có thẩm quyền quyết định để khoán hoặc trả công cho người lao động là người dân tộc thiểu số. Ngân sách trung ương hỗ trợ 20% định mức lao động chung của đơn vị để khoán hoặc trả công cho người lao động là người dân tộc thiểu số. Thời gian áp dụng là 5 năm kể từ ngày người lao động vào làm việc tại đơn vị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định định mức lao động bao gồm:

- Đối với các đơn vị sử dụng lao động thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 do Hội đồng thành viên Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 quyết định.

- Đối với các đơn vị sử dụng lao động trực thuộc các Bộ quản lý ngành kinh doanh chính do Bộ trưởng các Bộ quyết định.

- Đối với đơn vị sử dụng lao động trực thuộc địa phương kể cả doanh nghiệp ngoài nhà nước đóng trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

4. Về tiền thuê đất:

a) Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 30% đến dưới 50% lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng số lao động có mặt làm việc tại đơn vị (theo số lao động có mặt tại thời điểm ngày 30/06 năm trước của năm lập dự toán) được giảm 50% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 50% lao động là người dân tộc thiểu số trở lên so với tổng số lao động có mặt làm việc tại đơn vị (theo số lao động có mặt tại thời điểm ngày 30/06 năm trước của năm lập dự toán) được miễn 100% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% kinh phí về đào tạo, bảo hiểm và 20% định mức lao động chung của đơn vị để giao khoán hoặc trả công cho người lao động là người dân tộc thiểu số.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 5. Lập dự toán kinh phí đào tạo, kinh phí bảo hiểm và 20% định mức lao động chung được ngân sách hỗ trợ**

Cùng với thời gian lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn lập kế hoạch ngân sách, các đơn vị sử dụng lao động xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm và hỗ trợ 20% định mức lao động chung của đơn vị để giao khoán hoặc trả công cho người lao động gửi cơ quan quản lý cấp trên: Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 đối với các đơn vị trực thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91; Các Bộ quản lý ngành kinh doanh chính (gọi tắt là Bộ) đối với đơn vị trực thuộc Bộ; Sở Tài chính đối với các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn (gọi tắt là đơn vị địa phương), Sở Tài chính tổng hợp và xác định phần kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Lập dự toán hỗ trợ kinh phí đào tạo: Lập dự toán theo biểu phụ lục số 1 đính kèm Thông tư này, trong đó:

- a) Số lao động là dân tộc thiểu số đã tuyển dụng chưa được đào tạo ước đến ngày 31/12 năm báo cáo;
- b) Số lao động dân tộc thiểu số cần tuyển dụng và đào tạo năm kế hoạch;
- c) Ngành nghề đào tạo, số lượng lao động cần đào tạo theo từng ngành nghề do Thủ trưởng đơn vị quyết định theo nhu cầu của đơn vị;
- d) Thời gian đào tạo: Tùy theo ngành nghề, phương thức đào tạo do Thủ trưởng đơn vị xác định, nhưng tối đa không quá 3 tháng cho 1 khóa học;
- đ) Hình thức đào tạo: Có thể đào tạo tập trung tại các trường lớp của tổ chức dạy nghề chuyên nghiệp, hoặc đào tạo kèm cặp tại đơn vị;
- e) Mức phí: Theo mức phí cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế tại các tổ chức dạy nghề chuyên nghiệp đào tạo tập trung hoặc đào tạo kèm cặp tại đơn vị với mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

2. Lập dự toán hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, theo biểu phụ lục số 2 đính kèm Thông tư này, trong đó:

- a) Số lao động có đến 31/12 năm báo cáo;

- b) Số lao động dự kiến tuyển dụng mới năm kế hoạch;
- c) Số tháng được hỗ trợ;
- d) Mức hỗ trợ.

3. Lập dự toán hỗ trợ 20% định mức lao động chung: Theo biểu phụ lục số 3 đính kèm Thông tư này, trong đó:

- a) Số lao động có đến 31/12 năm báo cáo;
- b) Số lao động dự kiến tuyển dụng mới năm kế hoạch;
- c) Định mức lao động chung của đơn vị để khoán hoặc trả công cho lao động do cơ quan thẩm quyền theo quy định tại điểm 3 Điều 3 Thông tư này quyết định;
- d) Mức hỗ trợ 20% định mức lao động chung.

4. Tổng hợp dự toán:

a) Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ 20% định mức lao động chung vào kế hoạch chi ngân sách hàng năm của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 đối với các đơn vị trực thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong kế hoạch ngân sách trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

b) Các Bộ tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ 20% định mức lao động chung vào kế hoạch chi ngân sách hàng năm của Bộ đối với các đơn vị trực thuộc Bộ gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong kế hoạch ngân sách trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ 20% định mức lao động chung vào kế hoạch chi ngân sách hàng năm của địa phương đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý (bao gồm cả các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn) gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong kế hoạch ngân sách Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

5. Giao và phân bổ dự toán:

Căn cứ số kinh phí đã được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ quyết định, Bộ Tài chính thông báo về phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ 20% định mức lao động chung cho các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại Thông tư này: Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91, các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bao gồm cả các doanh nghiệp ngoài nhà nước). Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91, các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ

đào tạo, hỗ trợ đóng bảo hiểm, hỗ trợ 20% định mức lao động chung cho các đơn vị sử dụng lao động trực thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91, trực thuộc Bộ và địa phương (bao gồm cả các doanh nghiệp ngoài nhà nước).

Điều 6. Cấp phát kinh phí hỗ trợ

1. Đối với đơn vị trung ương, Bộ Tài chính cấp bằng lệnh chi tiền cho các đơn vị sử dụng lao động thông qua các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 và các Bộ. Các Tập đoàn, Tổng công ty 91 và các Bộ thực hiện cấp tiền hỗ trợ trực tiếp cho từng đơn vị.

2. Đối với đơn vị địa phương, Bộ Tài chính thực hiện bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính cấp tiền hỗ trợ trực tiếp lại cho các đơn vị sử dụng lao động địa phương kể cả doanh nghiệp ngoài nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Công tác quyết toán, kiểm tra

Các đơn vị được hỗ trợ kinh phí phải thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, đóng bảo hiểm (có xác nhận của cơ quan bảo hiểm địa phương), hỗ trợ 20% định mức lao động chung theo hướng dẫn quyết toán chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp.

Đối với các đơn vị Trung ương: Quyết toán gửi các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 (đối với đơn vị trực thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91); gửi các Bộ (đối với đơn vị trực thuộc Bộ). Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91, các Bộ kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ của các đơn vị và tổng hợp gửi Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát.

Đối với đơn vị các địa phương: Quyết toán gửi Sở Tài chính, Sở Tài chính kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, đóng bảo hiểm, hỗ trợ 20% định mức lao động chung và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt gửi Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát.

Điều 8. Hạch toán kế toán

1. Đối với doanh nghiệp

1.1. Trường hợp Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bằng lệnh chi tiền:

a) Đối với khoản kinh phí hỗ trợ đào tạo theo hình thức không tập trung (đào tạo tại đơn vị), khi nhận kinh phí hỗ trợ, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 111- Tiền mặt, hoặc nợ tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Có tài khoản 461- Nguồn kinh phí sự nghiệp.

Khi chi tiền cho công tác đào tạo:

Nợ tài khoản 161- Chi sự nghiệp

Có tài khoản 111- Tiền mặt, hoặc tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng.

b) Đối với khoản kinh phí hỗ trợ cho hình thức đào tạo tập trung, hỗ trợ nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là người dân tộc thiểu số, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 161- Chi sự nghiệp

Có tài khoản 331- phải trả người bán, hoặc tài khoản 338 - phải trả phải nộp khác, chi tiết tài khoản 3383- Bảo hiểm xã hội, tài khoản 3384 - Bảo hiểm y tế, tài khoản 3389 - Bảo hiểm thất nghiệp.

Khi làm thủ tục chuyển tiền thanh toán hợp đồng đào tạo và nộp Bảo hiểm, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 331- phải trả người bán, hoặc tài khoản 338- phải trả phải nộp khác, chi tiết tài khoản 3383 - Bảo hiểm xã hội, tài khoản 3384 - Bảo hiểm y tế, tài khoản 3389 - Bảo hiểm thất nghiệp.

Có tài khoản tài khoản 111- Tiền mặt, hoặc tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng.

c) Khi quyết toán được phê duyệt, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 461- Nguồn kinh phí sự nghiệp

Có tài khoản 161- Chi sự nghiệp.

d) Đối với khoản kinh phí hỗ trợ 20% định mức lao động chung, khi nhận kinh phí hỗ trợ, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

Có tài khoản 461- Nguồn kinh phí sự nghiệp.

Khi chi tiền cho lao động:

Nợ tài khoản 161- Chi sự nghiệp

Có tài khoản 111- Tiền mặt.

1.2. Trường hợp Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bằng hình thức giao dự toán: Khi nhận được thông báo các đơn vị ghi đơn bên Nợ tài khoản 008 - Dự toán chi sự nghiệp, dự án; khi rút dự toán chi sự nghiệp, dự án để chi, đơn vị ghi đơn bên Có tài khoản 008 - Dự toán chi sự nghiệp, đồng thời ghi có tài khoản 461 - Nguồn kinh phí sự nghiệp, đối ứng với các tài khoản có liên quan.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp

2.1. Trường hợp Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bằng lệnh chi tiền:

a) Khi nhận kinh phí hỗ trợ: Đối với khoản kinh phí hỗ trợ đào tạo theo hình thức không tập trung (đào tạo tại đơn vị), đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

Có tài khoản 461- Nguồn kinh phí sự nghiệp.

Khi chi tiền cho công tác đào tạo:

Nợ tài khoản 661- Chi hoạt động

Có tài khoản 111- Tiền mặt.

b) Đối với khoản kinh phí hỗ trợ cho hình thức đào tạo tập trung và hỗ trợ nộp bảo hiểm: Căn cứ hợp đồng đào tạo, số tiền phải nộp bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) của số lao động là người dân tộc thiểu số, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 161- Chi hoạt động

Có tài khoản 331- phải trả, hoặc tài khoản 332 - phải nộp bảo hiểm.

Khi làm thủ tục chuyển tiền tại kho bạc thanh toán hợp đồng đào tạo và nộp Bảo hiểm, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 331- phải trả, hoặc tài khoản 332 - phải nộp bảo hiểm

Có tài khoản 461- Nguồn kinh phí hoạt động.

c) Khi quyết toán được phê duyệt, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 461- Nguồn kinh phí hoạt động

Có tài khoản 161- Chi hoạt động.

d) Đối với khoản kinh phí hỗ trợ 20% định mức lao động, khi nhận kinh phí hỗ trợ, đơn vị hạch toán:

Nợ tài khoản 112 - Tiền gửi

Có tài khoản 461- Nguồn kinh phí hoạt động.

Khi chi tiền cho lao động:

Nợ tài khoản 661- Chi hoạt động

Có tài khoản 111- Tiền mặt.

2.2. Trường hợp Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bằng hình thức giao dự toán: Khi nhận được thông báo, đơn vị ghi đơn bên Nợ tài khoản 008 - Dự toán chi sự nghiệp, dự án; khi rút dự toán chi sự nghiệp, dự án để chi, đơn vị ghi đơn bên Có tài khoản 008 - Dự toán chi sự nghiệp, đồng thời ghi Có tài khoản 461 - Nguồn kinh phí sự nghiệp, đối ứng với các tài khoản có liên quan.

Điều 9. Miễn, giảm tiền thuê đất

Hàng năm, cùng với thời gian lập dự toán đề nghị ngân sách cấp kinh phí hỗ trợ kinh phí để thực hiện Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, đơn vị lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền giao nhiệm vụ quyết định cho miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

1. Công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định cho miễn hoặc giảm tiền thuê đất cho đơn vị theo quy định tại Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ:

2. Danh sách lao động đã tuyển dụng đến ngày 30/06 năm trước năm lập dự toán (bao gồm số lao động là người dân tộc thiểu số, số lao động đơn vị đang sử dụng và đã tuyển dụng);

3. Hợp đồng lao động giữa đơn vị và người lao động (bản sao, chụp có đóng dấu của đơn vị);

4. Hợp đồng thuê đất đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện tích phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (bản sao, chụp có đóng dấu của đơn vị).

Căn cứ Hồ sơ do đơn vị lập và gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định để có quyết định miễn hoặc giảm tiền thuê đất cho đơn vị. Thời gian cơ quan có thẩm quyền thẩm định để có quyết định miễn hoặc giảm tiền thuê đất cho đơn vị là 10 ngày làm việc sau khi nhận được đủ Hồ sơ.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Nếu đơn vị, cá nhân lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với lao động dân tộc thiểu số quy định trong Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ để trục lợi cho đơn vị và cá nhân sẽ bị xử lý theo pháp luật và quy định dưới đây:

1. Báo cáo sai số lượng lao động là người dân tộc thiểu số, kinh phí đào tạo, kinh phí bảo hiểm, định mức lao động chung, dẫn đến việc rút tiền hỗ trợ của Nhà nước cao hơn thực tế được hưởng thì Thủ trưởng đơn vị phải có trách nhiệm bồi thường cho Ngân sách Nhà nước.

2. Nếu báo cáo sai số lượng lao động theo quy định dẫn đến xác định tỷ lệ lao động dân tộc thiểu số so với tổng số lao động được tuyển dụng có mặt tại đơn vị để được miễn hoặc giảm tiền thuê đất thì ngoài việc phải truy nộp tiền thuê đất, Thủ trưởng đơn vị còn bị xử lý như trường hợp báo cáo không trung thực về tình hình tài chính của đơn vị.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Đối với năm 2011, các đơn vị có sử dụng lao động thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, lập báo cáo đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bảo hiểm và 20% định mức lao động chung theo quy định tại Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này gửi cơ quan quản lý cấp trên: Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 đối với đơn vị trực thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91; Các Bộ quản lý ngành kinh doanh chính đối với các đơn vị trực thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc địa phương. Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91, Bộ, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh thẩm định, tổng hợp đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2012.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu

Phụ lục số 1**Dự toán Kinh phí hỗ trợ đào tạo năm....**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 203/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị:

Thuộc: (Cho Tập đoàn, Tổng công ty, Bộ hoặc địa phương)

Số lao động cần đào tạo	Ngành nghề đào tạo	Phương thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Kinh phí đào tạo
1	2	3	4	5
Cộng				

Ngày.... tháng..... năm 201...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Phụ lục số 2**Dự toán kinh phí hỗ trợ đóng Bảo hiểm cho lao động dân tộc thiểu số năm....**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 203/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị:

Thuộc: (Cho Tập đoàn, Tổng công ty, Bộ hoặc địa phương)

Số lao động được hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (người/tháng)			Tổng kinh phí hỗ trợ
		BHXH%	BHYT%	BHTN%	
1	2	3	4	5	6
Cộng					

Ngày..... tháng..... năm 201...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Phụ lục số 3**Dự toán kinh phí hỗ trợ 20% định mức lao động chung năm....**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 203/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg ngày 29/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị:

Thuộc: (Cho Tập đoàn, Tổng công ty, Bộ hoặc địa phương)

Số lao động được hỗ trợ	Định mức lao động chung của đơn vị	Mức hỗ trợ 20%	Tổng số tiền hỗ trợ
Cộng			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng..... năm 201...

Thủ trưởng đơn vị